

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2009

THÔNG TƯ

Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân

Căn cứ Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nêu tại công văn số 502/VPCP - KTTH ngày 20/01/2009 và công văn số 869/VPCP-KTTH ngày 12/02/2009 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện thuế thu nhập cá nhân;

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (sau đây gọi tắt là Thông tư 84/2008/TT-BTC) như sau:

Điều 1. Bổ sung vào khoản 2, mục II, phần A Thông tư số 84/2008/TT-BTC như sau:

1. Bổ sung vào tiết 2.1.5 các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế từ tiền lương tiền công của cá nhân cư trú như sau:

a) Khoản trợ cấp chuyển vùng một lần đối với người nước ngoài đến cư trú tại Việt Nam. Mức trợ cấp được tính trừ căn cứ trên hợp đồng lao động hoặc thoả thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động.

b) Khoản tiền mua vé máy bay khứ hồi do đơn vị sử dụng lao động chi trả hộ (hoặc thanh toán) cho người lao động là người nước ngoài về phép mỗi năm một lần. Căn cứ để xác định là hợp đồng lao động và giá ghi trên vé máy bay từ Việt Nam đến quốc gia người nước ngoài mang quốc tịch hoặc quốc gia gia đình người nước ngoài sinh sống và ngược lại.

c) Khoản tiền học phí cho con của người nước ngoài học tại Việt Nam theo bậc học phổ thông do đơn vị sử dụng lao động chi trả hộ căn cứ vào hợp đồng lao động và chứng từ nộp tiền học.

2. Hướng dẫn cụ thể tiết 2.1.5 như sau: Đối với các khoản lợi ích khác mà người lao động được hưởng thì chỉ tính vào thu nhập chịu thuế đối với các trường hợp xác định được đối tượng được hưởng; không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân đối với các khoản lợi ích không xác định được cụ thể người được hưởng. Cụ thể trong một số trường hợp như sau:

a) Khoản tiền thuê nhà do đơn vị sử dụng lao động chi trả hộ: tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế chi trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế (chưa bao gồm tiền thuê nhà).

b) Đối với khoản chi về phương tiện phục vụ đưa đón tập thể người lao động từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại thì không tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động; trường hợp chỉ chuyên đưa đón riêng từng cá nhân thì phải tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân được đưa đón.

c) Đối với các khoản phí hội viên như thẻ hội viên sân golf, sân quần vợt, thẻ sinh hoạt các câu lạc bộ văn hoá nghệ thuật, thẻ dự thể thao... nếu ghi đích danh cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng thì tính vào thu nhập chịu thuế của từng cá nhân sử dụng. Trường hợp được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng thì không tính vào thu nhập chịu thuế.

d) Đối với các khoản chi dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân trong hoạt động chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí thẩm mỹ... nếu chi trả ghi rõ tên cá nhân được hưởng thì tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân. Trường hợp không ghi tên cá nhân được hưởng mà chi chung cho tập thể người lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế.

đ) Đối với khoản chi trả hộ tiền đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động phù hợp với công việc chuyên môn của người lao động hoặc theo kế hoạch của đơn vị sử dụng lao động thì không tính vào thu nhập của người lao động. Trường hợp đào tạo không đúng chuyên môn nghiệp vụ hoặc không nằm trong kế hoạch của đơn vị thì phải tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động.

e) Đối với khoản tiền ăn giữa ca: không tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động nếu người sử dụng lao động trực tiếp tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động.

Trường hợp, đơn vị chi trả thu nhập không trực tiếp tổ chức bữa ăn ca mà chi tiền ăn ca trực tiếp cho người lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động nếu mức chi phù hợp với hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trường hợp chi cao hơn mức hướng dẫn của Bộ Lao

động Thương binh và Xã hội thì phần chi vượt mức phải tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động.

Mức chi cụ thể áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, đơn vị được phép hoạt động kinh doanh thuộc cơ quan hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể, các hội không quá mức quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước và các tổ chức khác, mức chi do thủ trưởng đơn vị thống nhất với chủ tịch công đoàn quyết định nhưng mức tối đa cũng không vượt quá mức áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước.

f) Đối với khoản khoán chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục,... không tính vào thu nhập chịu thuế nếu mức khoán chi phù hợp với quy định của Nhà nước hiện hành. Mức khoán chi áp dụng đối với từng trường hợp như sau:

- Đối với cán bộ, công chức và người làm việc trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể, các hội: mức khoán chi áp dụng theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh, các văn phòng đại diện: mức khoán chi áp dụng phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài: mức khoán chi thực hiện theo quy định của Tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài.

3. Bổ sung vào điểm 2.2 các khoản phụ cấp, trợ cấp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công như sau :

Đối với những lĩnh vực công tác, ngành nghề mà Nhà nước có quy định chế độ phụ cấp, trợ cấp,... thì các khoản phụ cấp, trợ cấp,... này không tính vào thu nhập chịu thuế.

Điều 2. Bổ sung hướng dẫn điểm 3.1, khoản 3, Mục I, Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC về giảm trừ gia cảnh như sau:

1. Bổ sung hướng dẫn tiết 3.1.4 các nội dung sau :

1.1. Trường hợp đối tượng nộp thuế có mẹ kế, bố dượng ngoài độ tuổi lao động hoặc trong độ tuổi lao động theo quy định của Pháp luật nhưng bị tàn tật không có khả năng lao động, không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 500.000 đồng thì đối tượng nộp thuế được tính giảm trừ người phụ thuộc.

1.2. Đối tượng được tính là người phụ thuộc theo hướng dẫn tại điểm 1.1 nêu trên và tại tiết 3.1.4, tiết 3.1.5 khoản 3, Mục I, Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC (trừ người phụ thuộc là con) cụ thể như sau:

- Người trong độ tuổi lao động được tính là người phụ thuộc phải thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

+ Bị tàn tật không có khả năng lao động;

+ Không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 500.000 đồng.

- Người ngoài độ tuổi lao động được tính là người phụ thuộc phải không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 500.000 đồng.

- Đối với người phụ thuộc là ông bà nội; ông bà ngoại; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh, chị, em ruột; cháu ruột và các cá nhân khác còn phải thoả mãn thêm điều kiện là người không nơi nương tựa mà người đối tượng nộp thuế đang trực tiếp nuôi dưỡng.

2. Bổ sung hướng dẫn tiết 3.1.7 như sau:

2.1. Hồ sơ chứng minh đối với người phụ thuộc là bố dượng, mẹ kế là: bản sao giấy khai sinh của đối tượng nộp thuế và bản sao giấy chứng nhận kết hôn để chứng minh là bố dượng, mẹ kế hoặc các giấy tờ khác có liên quan trong đó có nội dung xác định là bố dượng, mẹ kế.

2.2. Hướng dẫn bổ sung về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc là ông bà nội, ông bà ngoại; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh, chị, em ruột; cháu ruột, các cá nhân khác và nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp người phụ thuộc là ông, bà nội, ông, bà ngoại, cô, dì, chú, bác, cậu ruột, cháu ruột, các cá nhân khác:

a. Trường hợp người phụ thuộc cùng hộ khẩu với đối tượng nộp thuế thì không cần xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã mà chỉ cần bản sao hộ khẩu.

b. Trường hợp người phụ thuộc không cùng hộ khẩu nhưng đang sống cùng đối tượng nộp thuế là: bản sao đăng ký tạm trú hoặc bản tự khai (theo mẫu số 21a/XN-TNCN kèm theo Thông tư này) có xác nhận Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng nộp thuế sống về việc người phụ thuộc đang sống cùng.

c. Trường hợp người phụ thuộc không sống cùng đối tượng nộp thuế nhưng đối tượng nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng thì đối tượng nộp thuế tự khai (theo mẫu số 21b/XN-TNCN kèm theo Thông tư này) và đề nghị Ủy ban

nhân dân cấp xã nơi người phụ thuộc đang sống xác nhận về việc người phụ thuộc hiện đang sống tại địa phương và không có ai nuôi dưỡng.

2.3. Hướng dẫn bổ sung về nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp người phụ thuộc là người tàn tật không có khả năng lao động:

Trường hợp người tàn tật không có khả năng lao động nhưng không có xác nhận của cơ quan y tế thì đối tượng nộp thuế tự khai (theo mẫu số 22/XN-TNCN kèm theo Thông tư này) và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người phụ thuộc đang sống xác nhận những biểu hiện cụ thể về sự tàn tật của người phụ thuộc; ví dụ như xác nhận người phụ thuộc bị cụt tay, cụt chân, mù mắt, mắc bệnh thiếu năng trí tuệ (down), bị dị chứng chất độc màu da cam,...

Trường hợp người phụ thuộc mắc bệnh mà không có khả năng lao động (như: bệnh AIDS, ung thư, suy thận mãn,...) có bệnh án của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên thì chỉ cần bản sao bệnh án mà không cần phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.4. Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh tế, các cơ quan hành chính sự nghiệp có bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con và những người khác thuộc đối tượng được tính là người phụ thuộc đã khai rõ trong lý lịch thì hồ sơ chứng minh người phụ thuộc do người lao động tự lựa chọn áp dụng theo một trong hai cách sau:

- Cách 1: Chỉ cần Tờ khai đăng ký người phụ thuộc theo mẫu số 16/ĐK-TNCN kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị vào bên trái tờ khai. Thủ trưởng đơn vị chỉ chịu trách nhiệm đối với các nội dung sau: họ tên người phụ thuộc, năm sinh và quan hệ với đối tượng nộp thuế; các nội dung khác, đối tượng nộp thuế tự khai và chịu trách nhiệm.

Trường hợp có sự thay đổi người phụ thuộc thì đề nghị Thủ trưởng đơn vị xác nhận vào tờ khai điều chỉnh.

- Cách 2: thực hiện theo hướng dẫn tại tiết 3.1.7, điểm 3.1, khoản 3, Mục I, Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC và hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Bổ sung hướng dẫn tiết 3.1.8 như sau:

Trường hợp đối tượng nộp thuế có thu nhập từ tiền lương, tiền công thường xuyên, ổn định từ 02 nơi trở lên; hoặc vừa có thu nhập từ kinh doanh vừa có thu nhập từ tiền lương tiền công thường xuyên ổn định; hoặc có thu nhập từ kinh doanh thường xuyên ổn định từ 02 nơi trở lên thì đối tượng nộp thuế được lựa chọn nơi đăng ký giảm trừ gia cảnh; cụ thể như sau:

- Về giảm trừ cho bản thân: đối tượng nộp thuế được lựa chọn khai giảm trừ cho bản thân ở một nơi phát sinh thu nhập; đồng thời phải thông báo cho đơn

vị chi trả thu nhập khác hoặc cơ quan thuế (nơi có hoạt động kinh doanh khác) biết để không tính giảm trừ trùng.

- Về giảm trừ cho người phụ thuộc: trường hợp, đối tượng nộp thuế có nhiều người phụ thuộc, mà số người phụ thuộc tính giảm trừ ở một nơi phát sinh thu nhập không đủ giảm trừ thì được đăng ký số người phụ thuộc chưa giảm trừ hết vào nơi phát sinh thu nhập khác để được giảm trừ.

Điều 3. Bổ sung vào khoản 3, mục I, phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC điểm mới (3.3) như sau:

Các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc được giảm trừ khi xác định thu nhập tính thuế là các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội, Luật Bảo hiểm Y tế như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp,... Các khoản bảo hiểm khác không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế.

Mức bảo hiểm được trừ căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế. Trường hợp cá nhân tự đóng các khoản bảo hiểm nói trên thì mức được trừ căn cứ vào chứng từ của cơ quan bảo hiểm và tỷ lệ đóng bảo hiểm theo hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.

Điều 4. Thay thế nội dung nêu tại gạch đầu dòng thứ 3, tiết 2.2.1 a, điểm 2.2, khoản 2, Mục II, Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC như sau:

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán nhưng công ty phát hành cổ phiếu uỷ quyền cho công ty chứng khoán quản lý danh sách cổ đông và cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và công ty phát hành không uỷ quyền cho công ty chứng khoán quản lý danh sách cổ đông thì giá chuyển nhượng cổ phiếu làm căn cứ để khấu trừ thuế được căn cứ theo giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng. Trường hợp trên hợp đồng không ghi giá thì căn cứ để khấu trừ thuế là giá chuyển nhượng do người chuyển nhượng tự khai. Cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu không ghi giá trên hợp đồng tự khai giá chuyển nhượng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai. Trường hợp cơ quan thuế có căn cứ xác định giá ghi trên hợp đồng hoặc giá tự khai là không đúng thực tế thì cơ quan thuế được quyền ấn định giá chuyển nhượng để tính lại số thuế phải nộp đồng thời phạt về hành vi gian lận thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung tiết 1.2.7, khoản 1, Mục II, Phần D Thông tư số 84/2008/TT-BTC như sau:

Các tổ chức, cá nhân chi trả tiền hoa hồng đại lý bán hàng hoá; tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân thực hiện các dịch vụ có tổng mức trả thu nhập từ 500.000 đồng trở lên cho mỗi lần chi trả hoặc tổng giá trị hoa

hồng, tiền công dịch vụ thì phải khấu trừ thuế trước khi trả thu nhập cho cá nhân theo hướng dẫn sau:

- Áp dụng thống nhất một mức khấu trừ theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chi trả, trừ các trường hợp Bộ Tài chính đã có văn bản hướng dẫn mức tạm khấu trừ riêng (như tiền hoa hồng đại lý bảo hiểm, tiền hoa hồng đại lý xổ số).

- Trường hợp cá nhân làm đại lý bán hàng hoá (kể cả đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số) hoặc thực hiện các dịch vụ chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế (ví dụ cá nhân có thu nhập không đến 48 triệu đồng/năm nếu độc thân hoặc dưới 67,2 triệu đồng/năm nếu có 01 người phụ thuộc được giảm trừ đủ 12 tháng hoặc dưới 86,4 triệu đồng/năm nếu có 02 người phụ thuộc được giảm trừ đủ 12 tháng,...) thì cá nhân có thu nhập làm cam kết (theo Mẫu số 23/BCK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này) gửi cơ quan chi trả thu nhập để cơ quan chi trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ 10% thuế TNCN. Căn cứ vào cam kết của người nhận thu nhập đơn vị chi trả thu nhập tạm thời không khấu trừ thuế nhưng hết năm vẫn phải cung cấp danh sách để cơ quan thuế biết. Cá nhân làm cam kết phải chịu trách nhiệm về bản cam kết của mình, trường hợp phát hiện có sự gian lận sẽ bị xử lý theo quy định của Luật quản lý thuế.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê lao động theo thời vụ từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng và có hợp đồng lao động thì không áp dụng khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% theo từng lần chi trả thu nhập hoặc tổng thu nhập mà thực hiện tạm khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần tính trên thu nhập tháng.

Điều 6. Bổ sung điểm 2.2, khoản 2, Mục II, Phần D Thông tư số 84/2008/TT-BTC về khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh như sau:

1. Đối với hoạt động cho thuê nhà, tài sản:

Trường hợp cá nhân cho thuê nhà, tài sản trước năm 2009 và đã thu tiền cho thuê cho cả thời gian từ năm 2009 trở đi, đã khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trên toàn bộ doanh thu thu trước. Từ ngày 01/01/2009, cá nhân cho thuê được quyền lựa chọn giữ nguyên mức thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp cho doanh thu từ năm 2009 trở đi hoặc tính lại theo Luật thuế TNCN.

Cá nhân có yêu cầu tính lại theo Luật thuế TNCN làm đơn đề nghị gửi cơ quan thuế đã thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh thu cho thuê. Trong đơn nói rõ họ tên người cho thuê, người đi thuê, doanh thu đã thu tiền trước, thời hạn thu tiền trước, số thuế TNDN đã nộp cho doanh thu thu tiền trước, kèm theo hợp đồng thuê và chứng từ đã nộp thuế TNDN cho doanh thu phát sinh từ năm 2009. Căn cứ vào đơn đề nghị của cá nhân cho thuê nhà, thuê tài sản, hợp đồng

thuê và chứng từ đã nộp thuế TNDN, cơ quan thuế tính số thuế TNCN phải nộp cho doanh thu phát sinh từ 2009.

Nếu số thuế TNCN phải nộp thấp hơn số thuế TNDN đã nộp trước đây, cơ quan thuế sẽ hoàn lại cho người nộp thuế hoặc bù trừ số thuế nộp thừa vào kỳ tính thuế tiếp theo. Việc hoàn thuế hoặc bù trừ do người cho thuê nhà, tài sản đề nghị.

Trường hợp hợp đồng thuê quy định giá thanh toán cho bên cho thuê là giá chưa có thuế và bên đi thuê nộp toàn bộ tiền thuế hộ bên cho thuê thì việc tính lại thuế theo quy định của Luật thuế TNCN cũng được thực hiện theo hướng dẫn ở mục này.

2. Về việc giảm thuế TNCN đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp khoán có tạm nghỉ kinh doanh:

Trường hợp trong năm khoán thuế, cá nhân kinh doanh có nghỉ liên tục từ trọn 01 tháng (từ ngày mùng 1 đến hết ngày cuối cùng của tháng đó) trở lên thì được giảm 1/3 số thuế phải nộp quý; tương tự nếu nghỉ liên tục trọn 2 tháng trở lên thì được giảm 2/3 số thuế phải nộp quý, nếu nghỉ trọn quý thì được giảm tất cả số thuế phải nộp quý.

Ví dụ: Ông A là cá nhân kinh doanh có số thuế khoán phải nộp năm 2009 là 12 triệu đồng. Trong năm, Ông có nghỉ kinh doanh liên tục từ ngày 20/02 đến hết ngày 20/6. Ông A sẽ được xét giảm thuế như sau :

- Số tháng nghỉ kinh doanh liên tục của Ông A được xét giảm thuế là tháng 3, tháng 4 và tháng 5;

- Số thuế khoán hàng quý của Ông A là 12 triệu đồng/4 quý = 3 triệu đồng

Vậy số thuế Ông A được giảm sẽ là:

- Trong quý I: Ông A nghỉ kinh doanh liên tục 1 tháng nên Ông A được giảm 1/3 số thuế của quý I tương ứng với 1 triệu đồng.

- Trong quý II: Ông A nghỉ kinh doanh liên tục 2 tháng nên Ông A được giảm 2/3 số thuế của quý II tương ứng với 2 triệu đồng.

Cá nhân nghỉ kinh doanh thuộc đối tượng được giảm thuế phải lập hồ sơ đề nghị giảm thuế. Hồ sơ đề nghị giảm thuế được áp dụng như theo hướng dẫn tại điểm 3, mục II, phần E Thông tư số 60 /2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế

Căn cứ hồ sơ đề nghị giảm thuế, cơ quan thuế trực tiếp kiểm tra hồ sơ và ra quyết định giảm thuế.

3. Bổ sung vào tiết 2.2.3 hướng dẫn khai thuế đối với cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán ổn định: Trường hợp trong năm khoán thuế có doanh thu kinh doanh thực tế lớn hơn doanh thu đã khoán; hết năm cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh phải khai báo để tính lại số thuế thu nhập cá nhân phải nộp cả năm.

4. Bổ sung hướng dẫn khai thuế, nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh lưu động (buôn chuyến):

Cá nhân kinh doanh lưu động phải tạm nộp thuế TNCN tính trên thu nhập của từng chuyến hàng; mức tạm nộp thuế TNCN là 10% tính trên thu nhập chịu thuế của chuyến hàng.

Cá nhân kinh doanh lưu động tạm nộp thuế TNCN đồng thời với việc nộp thuế GTGT theo từng chuyến hàng.

5. Bổ sung hướng dẫn khai thuế, nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh có yêu cầu cấp hoá đơn lẻ :

- Cá nhân kinh doanh (trừ trường hợp cho thuê nhà, tài sản) hoặc cá nhân bán tài sản có yêu cầu cơ quan thuế cấp hoá đơn lẻ thì phải tạm nộp thuế TNCN; mức thuế TNCN tạm nộp là 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động bán lô hàng hoặc tài sản.

Cá nhân kinh doanh yêu cầu cơ quan thuế cấp hoá đơn lẻ phải tạm nộp thuế TNCN đồng thời với việc nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) khi được cấp hoá đơn lẻ.

Cá nhân kinh doanh được cấp hoá đơn lẻ nếu có yêu cầu hoàn thuế (hoặc bù trừ số thuế nộp thừa vào kỳ sau) thì cuối năm phải thực hiện quyết toán thuế để xác định tổng thu nhập chịu thuế, số thuế phải nộp, số thuế đã nộp, số thuế xin hoàn hoặc bù trừ số thuế nộp thừa vào kỳ sau.

6. Bổ sung hướng dẫn khai thuế, nộp thuế đối với trường hợp một cá nhân hoặc một nhóm cá nhân kinh doanh có nhiều địa điểm kinh doanh đóng ở nhiều địa bàn quận, huyện, tỉnh, thành phố khác nhau:

Cá nhân kinh doanh, nhóm cá nhân kinh doanh phải kê khai tạm nộp thuế TNCN tại Chi cục Thuế nơi diễn ra hoạt động kinh doanh và quyết toán thuế TNCN đối với toàn bộ thu nhập chịu thuế từ kinh doanh với Chi cục Thuế tại một nơi có địa điểm kinh doanh mà cá nhân đăng ký giảm trừ gia cảnh.

Điều 7. Bổ sung vào cuối khoản 2, Mục II, Phần D Thông tư số 84/2008/TT-BTC về khai thuế đối với cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn:

1. Đối với trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng:

Cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng chưa phải nộp thuế TNCN khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ đầu tư vốn.

- Căn cứ để xác định số thuế TNCN phải nộp đối với thu nhập từ đầu tư vốn là giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán hoặc số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) với mệnh giá của cổ phiếu đó và thuế suất thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn. Trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu nhận thay cổ tức, cổ phiếu thưởng với giá thấp hơn mệnh giá thì tính thuế TNCN đối với hoạt động đầu tư vốn theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng.

Cá nhân chuyển nhượng số cổ phiếu có được từ việc nhận cổ tức hoặc cổ phiếu thưởng phải tự khai (theo Mẫu số 24/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này) và nộp thuế TNCN đối với hoạt động đầu tư vốn tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú.

- Căn cứ để xác định số thuế TNCN phải nộp đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu có được từ nhận cổ tức, cổ phiếu thưởng là giá thực tế tại thời điểm chuyển nhượng và thuế suất thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Trường hợp giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì không phải nộp thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán.

Trường hợp giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu cao hơn mệnh giá thì cá nhân nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán theo mức thuế suất 0,1% trên giá thực chuyển nhượng hoặc theo mức thuế suất 20% trên chênh lệch giữa giá thực tế chuyển nhượng với mệnh giá hoặc giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán.

- Sau khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng; nếu cá nhân có chuyển nhượng cổ phiếu cùng loại thì phải khai và nộp thuế TNCN đối với cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng ngay. Trường hợp số lượng cổ phiếu chuyển nhượng lần đầu ít hơn số cổ phiếu nhận thay cổ tức hoặc số cổ phiếu thưởng thì sẽ tính và nộp thuế TNCN kế tiếp vào các lần chuyển nhượng sau cho tới khi hết số cổ phiếu đó.

2. Đối với trường hợp cá nhân được chia cổ tức bằng tiền nhưng không nhận mà ghi tăng vốn đầu tư cũng áp dụng phương pháp thu thuế TNCN như đối với trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng.

Sau khi nhận cổ tức bằng tiền và ghi tăng vốn đầu tư, nếu cá nhân rút vốn khỏi doanh nghiệp hoặc chuyển nhượng vốn thì phải khai và nộp thuế TNCN tương ứng với phần cổ tức nhận được ngay. Trường hợp giá trị vốn góp được rút khỏi doanh nghiệp hoặc chuyển nhượng lần đầu ít hơn giá trị cổ tức nhận được

thì sẽ kê khai và nộp thuế TNCN kế tiếp vào các lần rút vốn hoặc chuyển nhượng sau cho tới khi hết.

Điều 8. Bổ sung, sửa đổi điểm 2.8, khoản 2, Mục II, Phần D Thông tư số 84/2008/TT-BTC :

Điểm 2.8 khoản 2, Mục II, Phần D Thông tư số 84/2008/TT- BTC hướng dẫn như sau: "Căn cứ hồ sơ khai thuế, cơ quan thuế kiểm tra, tính thuế để người nhận thừa kế, quà tặng nộp thuế vào ngân sách nhà nước. Trường hợp thu nhập từ thừa kế, quà tặng dưới 10 triệu đồng"

Nay sửa lại như sau: "Căn cứ hồ sơ khai thuế, cơ quan thuế kiểm tra, tính thuế để người nhận thừa kế, quà tặng nộp thuế vào ngân sách nhà nước. Trường hợp thu nhập từ thừa kế, quà tặng dưới 10 triệu đồng hoặc được miễn thuế thì cơ quan thuế sẽ xác nhận vào tờ khai".

Điều 9: Sửa đổi mẫu tờ khai thuế đối với chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:

Ban hành tờ khai thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản mới (mẫu số 11/KK-TNCN kèm theo Thông tư này), thay thế mẫu số 11/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

Điều 10. Bổ sung về thời hạn nộp thuế đối với chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng, chuyển nhượng vốn góp,... như sau:

Thời hạn nộp thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng; chuyển nhượng vốn góp, đầu tư vốn (trường hợp phải khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế),... là ngày ghi trên thông báo nộp thuế của cơ quan thuế nhưng chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thuế.

Điều 11. Bổ sung giảm thuế TNCN đối với người lao động làm việc tại các khu kinh tế:

Theo quy định tại khoản 3, Điều 34 của Luật thuế TNCN thì những khoản thu nhập của cá nhân được ưu đãi về thuế quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước ngày Luật thuế TNCN có hiệu lực thì hành tiếp tục được hưởng ưu đãi.

Căn cứ theo quy định trên thì cá nhân là người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại các khu kinh tế kể từ ngày Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ có hiệu lực thi hành và từ sau ngày 01/01/2009 đều được giảm 50% thuế TNCN.

Điều 12. Tổ chức thực hiện:

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho các khoản thu nhập phát sinh từ ngày 01/01/2009. Bãi bỏ các nội dung hướng

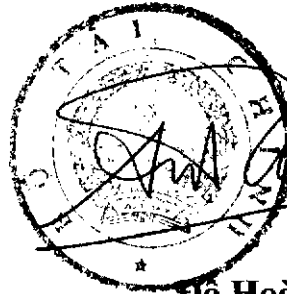
dẫn tại Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 và các văn bản khác của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNCN trái với hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc đề nghị có ý kiến về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TC, Cục thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, TNCN).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

www.LuatVietnam.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 11/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo
Thông tư số 62/2009/TT-BTC
ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)

A - PHẦN CÁ NHÂN TỰ KÊ KHAI

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHUYỂN NHƯỢNG, CHO THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[01] Họ và tên:

[02] Mã số thuế (nếu có):

[03] Số CMND/hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[04] Các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà:

Do cơ quan: Cấp ngày:.....

[05] Các đồng chủ sở hữu (nếu có):

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND	Số Hộ chiếu
1				
2				
...				

[06] Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản (nếu là mua bán, đổi)

Nơi lập Ngày lập:

Cơ quan chứng thực Ngày chứng thực:

II. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[07] Họ và tên:

[08] Mã số thuế (nếu có):

[09] Số CMND/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[10] Đơn xin chuyển nhượng bất động sản (nếu là nhận thừa kế, nhận quà tặng)

Nơi lập hồ sơ nhận thừa kế, quà tặng Ngày lập:

Cơ quan chứng thực Ngày chứng thực:

III. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[11] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất

[12] Quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở

[13] Quyền thuê đất, thuê mặt nước

[14] Bất động sản khác

IV. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[15] Đất

Địa chỉ thửa đất, nhà ở:

Vị trí (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

Loại đất, loại nhà:

Diện tích (m²):

[16] Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; Đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho...):

[17] Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có): (đồng).....

[18] Nhà và các tài sản gắn liền với đất (gọi chung là nhà)

Cấp nhà:

Loại nhà:

Diện tích nhà (m² sàn xây dựng):

[19] Nguồn gốc nhà

Tự xây dựng Năm hoàn thành (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):

Chuyển nhượng Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà:

[20] Giá trị nhà (đồng) :

V. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN; TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN

[21] Giá trị bất động sản thực tế chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng(đồng):

VI. TÍNH THUẾ

[22] Trường hợp chuyển nhượng bất động sản

Cách 1: Trường hợp xác định được giá mua bất động sản

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS x 25%.

Cách 2: Trường hợp không xác định được giá mua bất động sản

Thuế thu nhập phải nộp = Giá trị BĐS chuyển nhượng x 2%.

[23] Trường hợp nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản

Thuế thu nhập phải nộp = (Giá trị BĐS nhận thừa kế, quà tặng - 10.000.000đ) x 10%.

[24] Số thuế thu nhập phải nộp (đồng).....

(Viết bằng chữ.....)

VII. THU NHẬP THUỘC DIỆN MIỄN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (nếu thuộc đối tượng được miễn thuế):

Căn cứ vào Hồ sơ và các giấy tờ có liên quan đến việc chuyển nhượng hoặc nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa ông (bà): và ông (bà): khoản thu nhập từ chuyển nhượng hoặc nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản của ông (bà) thuộc diện thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoản Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân.

VIII. GIẤY TỜ KÈM THEO GỒM:

-
-
-

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày tháng năm

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP

(Ký và ghi rõ họ tên)

Tu

B - PHÂN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Họ và tên người nộp thuế

2. Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

I. Loại bất động sản chuyển nhượng:

- 1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất

- 2. Quyền sử hữu hoặc sử dụng nhà ở
- 3. Quyền thuê đất, thuê mặt nước
- 4. Các bất động sản khác

II. Đặc điểm bất động sản chuyển nhượng:

- 1. Thừa đất số:.....Tờ bản đồ số:
- Số nhà, đường phố.....
- Thôn, xóm.....
- Phường/xã:.....
- Quận/huyện.....
- Tỉnh/ thành phố.....
- 2. Loại đất:.....
- 3. Loại đường/khu vực:
- 4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....
- 5. Cấp nhà:.....Loại nhà:.....
- 6. Hạng nhà:.....
- 7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:.....
- 8. Diện tích đất, nhà tính thuế (m²):
- 8.1. Đất:.....
- 8.2. Nhà (m² sàn nhà):.....
- 9. Đơn giá một mét vuông đất, sàn nhà tính thuế (đồng/m²):
- 9.1. Đất:.....
- 9.2. Nhà (theo giá xây dựng mới):.....

III. Thu nhập từ chuyển nhượng, nhà thừa kế, quà tặng là bất động sản (đồng Việt Nam)

1. Đối với chuyển nhượng:

- 1.1. Giá chuyển nhượng bất động sản (đồng) :
- 1.2. Giá mua bất động sản (đồng) :
- 1.3. Các chi phí khác liên quan đến giá bất động sản chuyển nhượng được loại trừ (đồng):
- 1.4. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản = (1.1) – (1.2) – (1.3) – (1.4)

2. Đối với nhận thừa kế, quà tặng:

Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản = (đơn giá một mét vuông đất, sàn nhà) x (diện tích đất, diện tích sàn nhà) + (giá trị các bất động sản khác gắn với đất) (đồng)

IV. Thuế thu nhập phải nộp (đối với trường hợp phải nộp thuế):

1. Tính thuế:

a) Đối với thu nhập chuyển nhượng bất động sản:

Cách 1: Trường hợp xác định được giá mua bất động sản

--

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản x 25%.

Cách 2: Trường hợp không xác định được giá mua bất động sản

--

Thuế thu nhập phải nộp = Giá bất động sản chuyển nhượng x 2%.

Số thuế thu nhập phải nộp (đồng):

(Viết bằng chữ:.....)

b) Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:

Thuế thu nhập phải nộp = (Thu nhập từ bất động sản nhận thừa kế, quà tặng – 10.000.000) x 10%.

Số thuế thu nhập phải nộp (đồng):

(Viết bằng chữ:.....)

V. Xác nhận của cơ quan thuế đối với trường hợp được miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản:


Căn cứ vào tờ khai và các giấy tờ có liên quan đến việc chuyển nhượng bất động sản giữa ông (bà)..... và ông (bà)....., cơ quan thuế đã kiểm tra và xác nhận khoản thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của ông (bà)..... thuộc diện thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoảnĐiều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân./.

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngàytháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) 

B - PHẦN TÍNH THUẾ VÀ THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Họ và tên người nộp thuế

2. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

3. Cách tính thuế phải nộp:

Căn cứ hướng dẫn tại Điều 7, Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân, cơ quan thuế tính số thuế phải nộp như sau:

- Thu nhập tính thuế: là giá trị chuyển nhượng (cột 7)
- Thuế TNCN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất (5%).

4. Số thuế TNCN phải nộp (viết bằng chữ):.....

6. Thông báo của cơ quan thuế:

Yêu cầu Ông (Bà) nộp số tiền thuế nêu trên tại

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày tháng năm

Quá thời hạn nêu trên mà chưa nộp đủ tiền thuế thì người nộp thuế phải chịu phạt nộp chậm theo quy định của Luật Quản lý thuế.

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ...tháng... năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) *Ty*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 21a /XN -TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 62 /2009/TT-BTC ngày
27/3/2009 của Bộ Tài chính)

BẢN KÊ KHAI
VỀ NGƯỜI PHẢI TRỰC TIẾP NUÔI DƯỠNG

Kính gửi: UBND xã (phường)

Họ và tên người nộp thuế:

Mã số thuế (nếu có):

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Chỗ ở hiện nay:

Căn cứ qui định tại điểm 3.1.7 (đ), khoản 3, Mục I, Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNCN và Ngh. định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân về việc chính quyền xã phường xác nhận thực tế đang nuôi dưỡng người phụ thuộc là ông bà nội, ông bà ngoại, cô, dì, chú, bác, cậu ruột, anh chị em ruột, cháu ruột và các cá nhân khác để được tính giảm trừ cho người phụ thuộc.

Tôi kê khai người sau đây đang sống cùng với tôi.

Stt	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh	Số CMND /Hộ chiếu	Quan hệ với người khai	Địa chỉ thường trú của người phụ thuộc
1					
2					
...					

Tôi xin cam đoan kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm./.

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG (nơi người nộp thuế cư trú):

UBND xác nhận người được kê khai trong biểu (nêu trên) hiện đang sống cùng ông (bà) tại địa chỉ..... /.

....., ngày tháng năm 20.....

TM. UBND.....

(ký tên, đóng dấu) *Tuy*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 21b /XN -TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 62 /2009/TT-BTC ngày
27/3/2009 của Bộ Tài chính)

BẢN KÊ KHAI
VỀ NGƯỜI PHẢI TRỰC TIẾP NUÔI DƯỠNG

Kính gửi: UBND xã (phường)

Họ và tên người nộp thuế:

Mã số thuế (nếu có):

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Chỗ ở hiện nay:

Căn cứ qui định tại điểm 3.1.7 (đ), khoản 3, Mục I, Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNCN và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân về việc chính quyền xã phường xác nhận thực tế đang nuôi dưỡng người phụ thuộc là ông bà nội, ông bà ngoại, cô, dì, chú, bác, cậu ruột, anh chị em ruột, cháu ruột và các cá nhân khác để được tính giảm trừ cho người phụ thuộc.

Tôi kê khai người sau đây không nơi nương tựa, tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng:

Stt	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh	Số CMND /Hộ chiếu	Quan hệ với người làm đơn	Địa chỉ thường trú của người phụ thuộc
1					
2					
...					

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm./.

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG (nơi người phụ thuộc cư trú):

UBND xác nhận người được kê khai trong biểu (nêu trên) không nơi nương tựa, đang sống tại xã (phường)

....., ngày tháng năm 20.....

TM. UBND.....

(ký tên, đóng dấu) Tuy

Ghi chú:

Xác nhận của UBND phường, xã: trường hợp đối tượng nộp thuế có nhiều người phụ thuộc ở nhiều địa điểm khác nhau thì tại mỗi địa phương có người phụ thuộc sống, đối tượng nộp thuế phải lập tờ khai và đề nghị UBND phường, xã nơi đó xác nhận.

Ví dụ: Ông B có 3 người phụ thuộc (không nơi nương tựa và ông B đang trực tiếp nuôi dưỡng) đang sống tại 3 địa điểm khác; trong đó có 02 người ở xã K, 01 người ở xã M. Ông A sẽ phải lập 02 bản khai theo mẫu số 21b/XN-TNCN; 01 bản đề nghị UBND xã K xác nhận cho 02 người phụ thuộc sống ở xã K, 01 bản đề nghị UBND xã M xác nhận cho 01 người sống ở xã M.

www.LuatVietnam.vn

**BẢN KÊ KHAI
VỀ NGƯỜI TÀN TẬT KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG**

Kính gửi: UBND xã (phường)

Họ và tên người nộp thuế:

Mã số thuế (nếu có):

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Chỗ ở hiện nay:

Căn cứ qui định về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc nêu tại khoản 3, Mục I. Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNCN và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân về việc chính quyền xã phường xác nhận người phụ thuộc bị tàn tật không có khả năng lao động.

Tôi kê khai người sau đây là người tàn tật, không có khả năng lao động để được tính giảm trừ gia cảnh vào thu nhập của tôi theo qui định của Luật thuế TNCN.

Stt	Họ và tên người phụ thuộc	Năm sinh	Số CMND /Hộ chiếu	Quan hệ với người làm đơn	Địa chỉ thường trú của người phụ thuộc	Biểu hiện tàn tật (*)
1						
2						
...						

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm./.

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG:

UBND xác nhận ông (bà)
thường trú tại bị tàn tật đúng như kê khai./.

....., ngày tháng năm 20

TM. UBND.....

(ký tên, đóng dấu)

Tuy

Ghi chú:

- (*) **Biểu hiện tàn tật** được khai theo nguyên tắc sau: khai rõ người phụ thuộc bị khiếm khuyết bộ phận nào trên cơ thể (như thiếu tay, chân, mắt,...) hoặc căn bệnh hiểm nghèo mắc phải (như bệnh down, di chứng chất độc màu gia cam,...)

- **Xác nhận của UBND phường, xã:** trường hợp đối tượng nộp thuế có nhiều người phụ thuộc ở nhiều địa điểm khác nhau thì tại mỗi địa phương có người phụ thuộc sống, đối tượng nộp thuế phải lập tờ khai và đề nghị UBND phường, xã nơi đó xác nhận.

Ví dụ: Ông A có 3 người phụ thuộc bị tàn tật không có khả năng lao động sống tại 3 địa điểm khác; trong đó có 2 người ở xã X, 1 người ở xã Y. Ông A sẽ phải lập 02 bản khai theo mẫu 22/XN-TNCN; 01 bản đề nghị UBND xã X xác nhận cho 02 người phụ thuộc sống ở xã X, 01 bản đề nghị UBND xã Y xác nhận cho 01 người sống ở xã Y.

www.LuatVietnam.vn

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: (Tổ chức, cá nhân trả thu nhập).....

1. Tên tôi là:

2. Mã số thuế (nếu có): -

3. Số CMND/hộ chiếu : Ngày cấp: Nơi cấp:

4. Địa chỉ cư trú:

6. Nơi làm việc chính (nếu có):

Hiện tôi đang thực hiện (công việc) tại (tổ chức, cá nhân trả thu nhập)

Tôi cam kết rằng tổng thu nhập năm 20..... của tôi không vượt quá (*)
..... triệu đồng (ghi bằng chữ).....

Tôi đề nghị (tổ chức, cá nhân trả thu nhập)
tạm thời chưa thực hiện khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân theo quy định của
Luật thuế thu nhập cá nhân.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trên.

....., ngày tháng năm.....

CÁ NHÂN CAM KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(*) **Ghi chú:** Số tiền khai tại mục này được xác định như sau:

- Trường hợp người viết cam kết độc thân: số tiền khai là 48.000.000
triệu đồng.

- Trường hợp người viết cam kết có người phụ thuộc:

Số tiền khai = 48.000.000 đồng + Tổng số tiền giảm trừ cho người phụ thuộc

VD: Người viết cam kết có 2 người phụ thuộc (tính đủ 12 tháng trong năm) thì:

Số tiền khai = 48.000.000 đồng + 1.600.000 đồng x 12 tháng x 02 người = 86.400.000 đồng

Ty